

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2022
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Chính.

Ông Hà Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Bích T, sinh năm 1979 (*xin vắng mặt*).

Nơi cư trú: Ấp 2, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Trịnh Minh T, sinh năm 1970 (*xin vắng mặt*).

Nơi cư trú: Ấp 2, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 8 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tạ Bích T trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Bà Tạ Bích T và ông Trịnh Minh T có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2000, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống, lúc đầu hôn nhân hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thường xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 7/2016 đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Tạ Bích T yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Minh T.

- Về nuôi con: Có một hai người con chung.

Trịnh Duy L, sinh ngày 19/12/2000;

Trịnh Cẩm T, sinh ngày 14/01/2008.

Hiện nay hai người con chung đang sống với em bà T, khi ly hôn, Cẩm Tiên theo ai thì người đó nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 08 tháng 9 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trịnh Minh T trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Ông T và bà T có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2000; Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra nên vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay ông T đồng ý ly hôn với bà Tạ Bích T.

- Về việc nuôi con: Vợ chồng có hai người con chung.

Trịnh Duy L, sinh ngày 19/12/2000 (nam);

Trịnh Cẩm T, sinh ngày 14/01/2008 (nữ).

Khi ly hôn, Trịnh Duy L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về Trịnh Cẩm T theo ai thì người đó nuôi, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu và nợ trả: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Tạ Bích T yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Minh T, yêu cầu nuôi con, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do ông T cư trú tại ấp 2, xã H, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Tạ Bích T và ông Trịnh Minh T có đơn xin vắng mặt phiên xét xử vì đang bận công việc, điều kiện đi lại khó khăn, yêu cầu này của bà T và ông T là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà Tạ Bích T và ông Trịnh Minh T có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2000. Đến năm 2003, hôn nhân mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Năm Căn,

tỉnh Cà Mau; giấy chứng nhận kết hôn số 201/2003 ngày 29/10/2003. Vì vậy quan hệ giữa bà Tạ Bích T và ông Trịnh Minh T được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, bà T cho rằng vợ chồng ly thân từ tháng 06/2016 đến nay, ông T xác định vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2019. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Minh T, ông T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn nên Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Tạ Bích T và ông Trịnh Minh T.

- Về nuôi con: Vợ chồng có hai người con chung.

Trịnh Duy L, sinh ngày 19/12/2000 (nam).

Trịnh Cẩm T, sinh ngày 14/01/2008 (nữ)

Khi ly hôn, Trịnh Duy L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về Trịnh Cẩm T các đương sự thống nhất theo ai thì người đó nuôi. Qua đơn đề nghị về việc xét xử ly hôn vắng mặt cháu Tiên trình bày “đồng ý sống cùng mẹ là Tạ Bích T” việc thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định của Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà T và ông T mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ bằng 150.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà T được xem xét khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Tạ Bích T và ông Trịnh Minh T.

- Về nuôi con: Có hai người con chung.

Trịnh Duy L, sinh ngày 19/12/2000 (nam).

Trịnh Cẩm T, sinh ngày 14/01/2008 (nữ)

Khi ly hôn, cháu Trịnh Duy L đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết việc nuôi dưỡng. Giao cháu Trịnh Cẩm T cho bà Tạ Bích T trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, bà Tạ Bích T và ông Trịnh Minh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, bà Tạ Bích T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0015704 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, bà T nhận lại 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền